

V, ngày 29 tháng 4 năm 2020

Số: 31/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Chu Thị L** – Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Vinmart số 178, phường T, thành phố G, tỉnh G.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang H** – Sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tổ 08, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Chu Thị L** - Địa chỉ: Vinmart số 178, phường T, thành phố G, tỉnh G và anh **Nguyễn Quang H** – Địa chỉ: Tổ 08, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Chu Thị L** và anh **Nguyễn Quang H** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Chu Thị L và anh Nguyễn Quang H thỏa thuận nhất trí giao cháu Nguyễn Khánh N – Sinh ngày: 12/9/2018 cho chị Chu Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 21/4/2020. Anh Nguyễn Quang H có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Quang H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Khánh N – Sinh ngày: 12/9/2018 số tiền 1.500.000đ/tháng, đến khi cháu Nguyễn Khánh Ngân trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 21/4/2020.

Chị Chu Thị L – Địa chỉ: Vinmart số 178, phường T, thành phố G, tỉnh G là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nH không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị Chu Thị L và anh Nguyễn Quang H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Chu Thị L và anh Nguyễn Quang H thỏa thuận nhất trí để chị Chu Thị L chịu 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai số 02000 nộp ngày 26/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND thị trấn Nông trường L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Anh L